

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 16/TTP/2019

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

1. Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam**
2. Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
3. Điện thoại: 028 38277100 Fax:
4. Email: thinhatkhanh.huyen@tetrapak.com
5. Mã số doanh nghiệp (MST): 0302803331
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Nhôm lá mỏng Tab-strip**
2. Thành phần chính: Nhôm, màng nhựa polyetylen (mặt tiếp xúc với thực phẩm)
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
  - Nhôm lá mỏng Tab-Strip được đóng gói trong hộp và được bọc lớp PE bên ngoài để tránh ẩm và bụi.
  - 3 hoặc 4 cuộn / hộp
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:
  - Sản xuất tại: AMCOR FLEXIBLES ITALIA,
  - Địa chỉ nhà sản xuất: S.R.L. – VIA DALMASTRO, 2, LUGO DI VICENZA, ITALY 36030

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

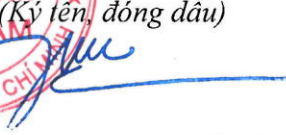
**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Công ty kinh doanh sản phẩm *Nhôm lá mỏng Tab-strip* đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm để chứa các loại thực phẩm, thức uống không chứa cồn theo:

**QCVN 12-1:2011/BYT** - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP.HCM, ngày 22. Tháng 5. năm....2019....  
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
(Ký tên, đóng dấu)



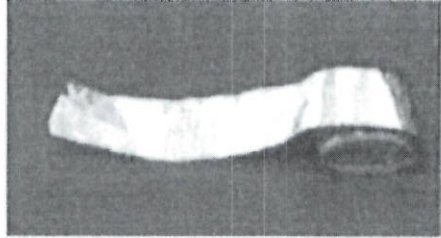
*Huỳnh Thị Thập Khanh*



## BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 16/TTP/2019

### 1. Mô tả sản phẩm: Nhôm lá mỏng Tab-strip



### 2. Nhãn sản phẩm dự kiến:

|                                 |                  |                                                                                       |                |
|---------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| ART. DESCRIPTION:               |                  | PALLET No:                                                                            |                |
| TabStrip Al LLDPE-2 40 TP PA001 |                  | 6303195149                                                                            |                |
| ART. No:                        |                  |   |                |
| A872972501                      |                  |                                                                                       |                |
| GLN No:                         | GTIN EAN/UCC-14: |                                                                                       |                |
| 7929380000017                   | 97329001126073   |                                                                                       |                |
| SSCC:                           | QUANTITY:        |  |                |
| (00) 3 7929381 498310000        | 157680 M         |                                                                                       |                |
| 9                               |                  |                                                                                       |                |
| BATCH No: 0063193181            |                  |  |                |
| PROD. DATE:                     | USE BEFORE:      |                                                                                       | PALLET WEIGHT: |
| 18/11/06                        | 20/11/06         |                                                                                       | 804.024        |


00631931815149872972501M 157680



(02)97329001126073(3110)157680(37)72



(15)201106(10)0063193181



(00) 3 7929381 498310000 9

03337  
IG TY  
PHÂN  
RA PA  
T NAM  
HỒ HỒ C

### 3. Nội dung nhãn phụ sản phẩm:

#### *Nhôm lá mỏng TAB-STRIP*

**Thành phần:**

Nhôm lá mỏng TAB-Strip gồm 3 lớp:

Lớp Nhôm ở giữa

Hai lớp nhựa PE dán 2 mặt phía ngoài

- Chiều rộng 25 mm
- Độ dày: 0.069 mm

**Thời hạn sử dụng:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo

**Hướng dẫn bảo quản:**

- Nhôm lá mỏng TAB-STRIP được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và ánh sáng chiếu trực tiếp.
- Sản phẩm phải được lưu trữ trong hộp và được xếp trên pallet.
- Điều kiện bảo quản: Độ ẩm yêu cầu 10 đến 65%; nhiệt độ khoảng từ 10 đến 40°C

**Hướng dẫn sử dụng:**

- Nhôm lá mỏng TAB-STRIP được đóng gói thành hộp (3 hoặc 4 cuộn/hộp) và được bọc lớp PE để tránh ẩm và bụi.
- Các hộp được xếp trên pallet.

**Xuất xứ:**

Nhà sản xuất: Amcor Flexibles Italia

Địa chỉ: S.r.l. – Via Dalmastro, 2, Lugo di Vicenza, ITALY 36030

Nhà nhập khẩu: Tetra Pak Jurong Pte Ltd.

Địa chỉ: 19 Gul Lane, Singapore City, Singapore 629414

Thương nhân nhập khẩu: Công ty cổ phần Tetra Pak Việt Nam

Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Quận Nhất, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 38257110



Số: 1105/N3.19/ĐG

Ngày: 23/05/2019

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Người yêu cầu : Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam  
2. Tên mẫu theo khai báo : Nhôm lá mỏng Tab-Strip  
3. Số lượng mẫu : 01  
4. Ngày nhận mẫu: 15/05/2019  
5. Căn cứ giám định : QCVN 12-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

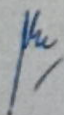
### 6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

| Stt | Tên chỉ tiêu                                                                                                                | Kết quả giám định                                                                   | Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 6.1 | Ngoại quan                                                                                                                  |  | -                                      |
| 6.2 | Định danh nhựa (bề mặt tiếp xúc với thực phẩm)                                                                              | Polyethylen                                                                         | Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5          |
| 6.3 | Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, $\mu\text{g/g}$                                                                      |                                                                                     |                                        |
|     | • Chì (Pb)                                                                                                                  | < 5                                                                                 | 100                                    |
|     | • Cadimi (Cd)                                                                                                               | < 5                                                                                 |                                        |
| 6.4 | Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, $\mu\text{g/mL}$                                                                       |                                                                                     |                                        |
|     | • Trong nước cất, $60^\circ\text{C}$ , 30 phút                                                                              | < 5                                                                                 | 30                                     |
|     | • Trong axit axetic 4%, $60^\circ\text{C}$ , 30 phút                                                                        | < 5                                                                                 |                                        |
|     | • Trong n-heptan, $25^\circ\text{C}$ , 60 phút                                                                              | < 5                                                                                 |                                        |
| 6.5 | Hàm lượng kim loại nặng (quy ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, $60^\circ\text{C}$ , 30 phút, $\mu\text{g/mL}$ | < 1                                                                                 | 1                                      |
| 6.6 | Hàm lượng $\text{KMnO}_4$ tiêu thụ trong nước cất chiết được từ mẫu, $60^\circ\text{C}$ , 30 phút, $\mu\text{g/mL}$         | < 1                                                                                 | 10                                     |

7. Kết luận: Mẫu nêu trên có kết quả các chỉ tiêu thử nghiệm phù hợp với mức quy định nêu tại mục 5 đối với *Màng bằng kim loại (bề mặt tiếp xúc với thực phẩm là màng nhựa tổng hợp) tiếp xúc trực tiếp với các loại thực phẩm, thức uống không chứa cồn.*

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Ngọc Anh Toàn

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Văn Sùng